

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY N, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 161/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh **Nguyễn Thanh N** - Sinh năm: 1991, địa chỉ: Ấp B, xã Ph, huyện T, tỉnh G.

2/ Chị **Phạm Thị Yến Nh** - Sinh năm: 1996, địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện M, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh N và chị Phạm Thị Yến Nh thống nhất thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này của anh N, chị Nh là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Thanh N, chị Phạm Thị Yến Nh trình bày là không có nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh N, chị Phạm Thị Yến Nh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Thanh N, chị Phạm Thị Yến Nh trình bày là không có nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Anh Nguyễn Thanh N, chị Phạm Thị Yến Nh tự nguyện nhận chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh N, chị Phạm Thị Yến Nh thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Thanh N, chị Phạm Thị Yến Nh trình bày là không có nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh N, chị Phạm Thị Yến Nh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Thanh N, chị Phạm Thị Yến Nh trình bày là không có nên không xem xét.

2/ Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Thanh N, chị Phạm Thị Yến Nh tự nguyện nhận chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà anh N, chị Nh đã nộp là 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010456 ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre; anh N, chị Nh đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Anh Nguyễn Thanh N (01 bản);
- Chị Phạm Thị Yến Nh (01 bản);
- UBND xã H (01 bản);
- VKSND huyện Mỏ Cày N (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày N (01 bản);
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp (03 bản).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Thu Trang